TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/DS-ST
Ngày 10 - 4 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị T; cư trú tại: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị L trình bày: Vào ngày 01/10/2022, chị T có vay của chị số tiền 40.000.000đ, lãi suất 1.000.000đ/10.000.000đ/01 tháng. Ngày 09/10/2022, chị T có vay tiếp số tiền 6.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 5.000đ/01 ngày/1.000.000đ, cả hai lần vay có làm biên nhận. Sau khi vay, chị T đóng lãi được 10 ngày đối với số tiền 40.000.000đ là 330.000đ, số tiền 6.000.000đ thì không đóng lãi. Nay chị yêu cầu chị T trả tiền vốn 46.000.000đ, lãi theo quy định pháp luật từ 19/10/2022 đến nay.

Đối với chị Trần Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị không có ý kiến gì đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị T trả tiền là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2. 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị L, chị T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện chị T có vay của chị L 02 lần với số tiền 46.000.000đ, khi vay có làm biên nhận nợ và ký tên. Sau khi vay, chị T không trả tiền vốn, nhưng có đóng lãi 10 ngày với số tiền 330.000đ trên số tiền vốn 40.000.000đ, còn số tiền vốn 6.000.000đ thì không đóng lãi. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi hai bên thực hiện giao dịch vay tiền thì có thỏa thuận lãi suất, nhưng lãi suất hai bên thỏa thuận là cao hơn mức lãi suất Nhà nước quy định. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết chị T không thực hiện thủ tục phản tố và chị L chỉ yêu cầu tính lãi từ 19/10/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không điều chỉnh số tiền lãi 10 ngày chị T đã trả cho chị L.

Số tiền lãi chị T phải trả cho chị L là: Từ ngày 19/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (10/4/2023) là 05 tháng 22 ngày với số tiền (46.000.000đ x 20%/năm) x 05 tháng 22 ngày = 4.395.000đ.

[5] Đối với chị T: Mặc dù chị đã biết được nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng chị không có ý kiến, không đưa ra chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để xét xử là phù hợp với khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 4 Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; khoản 1 Điều 468; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Buộc chị Trần Thị T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền là 50.395.000 đồng (năm mươi triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị T chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng chị T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Chị Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho L 1.640.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0013740 ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.519.700 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh